

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ
TRƯỜNG TIỂU HỌC VẠN THẮNG



SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

**RÈN KĨ NĂNG GIẢI TOÁN: “TÌM HAI SỐ KHI BIẾT
TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ”**

Tác giả: Lê Thị Hạnh

Đơn vị công tác: Trường Tiểu học Vạn Thắng

Chức vụ: Giáo viên

Năm học: 2023 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi: Hội đồng khoa học huyện Ba Vì

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên sáng kiến
Lê Thị Hạnh	19/11/1974	Trường Tiểu học Vạn Thắng	Giáo viên	Đại học	Rèn kỹ năng giải toán: “Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó”

- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: **Môn Toán lớp 4.**
- Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử: ngày 6/9/2023
- Mô tả bản chất của sáng kiến:

Trong các bậc học, bộ môn Toán có vị trí rất quan trọng. Nó không những có tác dụng trong cuộc sống mà nó còn rất cần thiết khi học các môn học khác. Nó góp phần phát triển trí thông minh, cách suy nghĩ độc lập, linh hoạt, sáng tạo, đóng góp vào việc hình thành các phẩm chất cần thiết và quan trọng của người lao động như: cẩn thận, tự tin, có ý chí vượt khó khăn, làm việc có khoa học, có nền nếp và tác phong khoa học.

Qua thực tế cho thấy khi dạy toán có văn, tôi thấy các em nắm được kỹ năng giải toán chưa sâu, lời giải chưa chặt chẽ. Đó là điều băn khoăn, suy nghĩ để viết ra những kinh nghiệm khi giải dạng toán này.

+ Mục đích

Tìm hiểu và phân loại đối tượng học sinh

Hướng dẫn học sinh hiểu rõ bản chất của dạng toán.

Hướng dẫn học sinh phân tích dữ kiện các dạng toán đó.

Hướng dẫn học sinh các bước giải dạng toán đó

Thực hành giải toán và kết luận.

Đánh giá bài của mình, của bạn.

+ Giải pháp thực hiện sáng kiến để giải quyết vấn đề

Học sinh lớp 4 là đối tượng của cấp học đầu trong giai đoạn quan trọng của bậc Tiểu học nên tư duy của trẻ đã bắt đầu phát triển nhưng khả năng ghi nhớ, phân tích, lập luận của học sinh còn chưa chặt chẽ. Khi giải các dạng toán điển hình các em hay quên, nhầm lẫn từ dạng nọ sang dạng kia. Hoặc khi giải các bài toán: “**Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó**” với các bài cho dưới dạng ẩn tổng, ẩn

hiệu... học sinh hay bị lúng túng khó tìm ra cách giải. Khi giáo viên ra đề bài còn ẩn tổng, ẩn hiệu thì học sinh lại lúng túng.

Việc rèn kỹ năng giải toán cho học sinh là bao gồm cả việc rèn luyện năng lực khái quát hoá, năng lực sáng tạo trong giải toán.

Việc “Rèn kỹ năng giải toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó cho học sinh” nhằm nâng cao trình độ lý luận, phương pháp dạy toán cho bản thân mình cùng đồng nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng dạy toán theo hướng: phát huy tính độc lập, sáng tạo của các em.

*** Rèn cho học sinh kỹ năng cơ bản khi giải toán có lời văn:**

Qua nhiều năm dạy lớp 4, bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 4, tôi thấy để nâng cao chất lượng của việc dạy giải toán nói chung và giải toán “Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số” nói riêng. Khi dạy toán, điều quan trọng là học sinh phải nắm bắt được các kỹ năng phân tích để tìm lời giải, kỹ năng trình bày lời giải, kỹ năng kiểm tra và đánh giá kết quả lời giải. Vì vậy, tôi rất chú trọng đến việc rèn luyện cho học sinh những kỹ năng trên. Cụ thể là:

Kỹ năng tìm hiểu đề:

Muốn giải được bài toán thì trước hết học sinh phải đọc kỹ đề và tìm hiểu đề. Việc này sẽ giúp các em xác lập được mối quan hệ giữa cái đã cho và cái phải tìm trong điều kiện bài toán, từ đó các em tìm ra cách giải bài toán.

Kỹ năng phân tích đề bài, tìm lời giải:

Khi học sinh đã tìm hiểu đề rồi các em sẽ phải phân tích đề bài nghĩa là phân tích các dữ kiện và câu hỏi bài tập nhằm xác định mối liên hệ giữa chúng và tìm được phép tính số học thích hợp.

Kỹ năng trình bày lời giải

Hoạt động trình bày lời giải bao gồm: Thực hiện các phép tính đã nêu trong kế hoạch giải bài tập và trình bày bài giải.

Kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả lời giải

Việc kiểm tra lời giải nhằm phân tích cách giải của mình đúng hay sai? Có nhiều cách kiểm tra lời giải của dạng toán trên. Ví dụ:

- Tạo ra bài toán ngược với bài toán đã cho rồi giải.
- Giải bài toán bằng cách khác.
- Xét tính hợp lý của đáp số ...

*** Phân chia dạng toán tìm 2 số khi biết tổng và hiệu của hai số đó ra các dạng nhỏ và tìm phương pháp giải cho mỗi dạng:**

Với các bài toán cho biết luôn cả tổng và hiệu của 2 số:

Với các bài toán ra dưới dạng ẩn tổng, ẩn hiệu hoặc ẩn cả tổng và hiệu

Với các dạng bài cho biết tổng và hiệu 2 số nhưng tổng và hiệu hai số không cùng xảy ra một thời điểm:

Với dạng bài yêu cầu tìm nhiều số khi biết tổng số và hiệu giữa chúng:

*** Tổ chức tốt các hoạt động hình thành và rèn kỹ năng giải toán:**

Trong một giờ toán học sinh giải các bài tập nâng dần theo mức độ phức tạp trong mối quan hệ giữa số đã cho và số phải tìm.

Trong một bài toán có nhiều cách giải có thể cho học sinh giải theo nhiều cách khác nhau và lựa chọn cách giải hay.

*** Lập đề toán theo cách giải đã cho sẵn:** Từ những dữ kiện cho sẵn hoặc sơ đồ minh họa, học sinh lập đề toán theo yêu cầu.

- Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại đơn vị

Qua quá trình thực hiện đề tài: Rèn kỹ năng giải toán “Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó cho học sinh lớp 4”, tôi thấy:

Đa số học sinh đã biết phân biệt và nhận dạng toán, nắm chắc cách giải các bài toán ở trình độ đại trà.

Nhiều học sinh đã phát huy năng lực sáng tạo, có thể giải thành thạo các bài toán có dữ kiện “ẩn”. Nhiều em có thể tự tìm ra cách giải khá độc đáo, trình độ suy luận chặt chẽ. Đặc biệt là các em rất thích học toán, luôn say sưa tìm tòi cách giải hay và sáng tạo như bạn Phùng Nam Phong, Nguyễn Lan Phương, Đỗ Minh Vũ, Phùng Việt Hoàng, Đỗ Phương Thảo... Các con đạt giải Nhất, giải Ba cấp Huyện, một số học sinh đạt giải cấp Trường.

Kết quả thu được như sau:

Mức đánh giá	Trước khi thực hiện	Sau khi thực hiện
Hoàn thành Tốt	5 = 13,0 %	14 = 37,0 %
Hoàn thành	26 = 68,6%	23 = 60,4 %
Chưa hoàn thành	7 = 18,4 %	1 = 2,6 %

- Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:

Phòng học có máy tính, máy chiếu, sách giáo khoa, đồ dùng dạy học...

- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến:

Tôi nhận được kết quả rất khả quan. Trong các tiết học toán, các em sôi nổi tìm hiểu bài, kỹ năng phân tích, tổng hợp có nhiều tiến bộ. Cách trình bày bài khoa học hơn, chính xác hơn. Các em học sinh yếu về tính toán đã có tiến bộ. Học sinh mạnh dạn hơn trong học tập, giao tiếp và biết trình bày ý kiến của mình, giúp các em phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh Tiểu học.

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Vạn Thắng, ngày 6 tháng 5 năm 2024

Tác giả: **Lê thị Hạnh**

PHIẾU NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

- Họ tên tác giả: **Lê Thị Hạnh**
- Tên đề tài: ***Rèn kĩ năng giải toán: “Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó”***
- Lĩnh vực: **Môn Toán**

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Điểm HĐCS
1	Sáng kiến có tính mới		
1.1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	30	
1.2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	20	
1.3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	10	
1.4	Không có tính mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước đây	0	
Nhận xét:			
2	Sáng kiến có tính áp dụng		
2.1	Có khả năng áp dụng trong phạm vi toàn ngành hoặc rộng hơn	30	
2.2	Có khả năng áp dụng trong đơn vị và có thể nhân ra một số đơn vị có cùng điều kiện	20	
2.3	Có khả năng áp dụng trong đơn vị	10	
2.4	Không có khả năng áp dụng trong đơn vị	0	
Nhận xét:			
3	Sáng kiến có tính hiệu quả		
3.1	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội, có tính lan tỏa	30	
3.2	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội	20	
3.3	Có hiệu quả, lợi ích phù hợp với mức độ phù hợp tại đơn vị	10	
3.4	Không có hiệu quả cụ thể	0	
Nhận xét:			
4	Điểm trình bày		
4.1	Trình bày khoa học, hợp lý	10	
4.2	Trình bày chưa khoa học, chưa hợp lý	5	
Nhận xét:			
Tổng cộng:		Đánh giá: ☐ Đạt (>70 điểm) ☐ Không đạt	

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CƠ SỞ

MỤC LỤC

I. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến.....	1
2. Mục tiêu của đề tài, sáng kiến	2
3. Thời gian, đối tượng, phạm vi nghiên cứu	2
II. NỘI DUNG SÁNG KIẾN	2
1. Hiện trạng vấn đề.....	2
2. Giải pháp thực hiện sáng kiến để giải quyết vấn đề	3
2.1. Giải pháp 1: <i>Rèn cho học sinh kỹ năng cơ bản khi giải toán có lời văn:</i>	
2.2. Giải pháp 2: Phân chia dạng toán tìm 2 số khi biết tổng và hiệu của hai số đó ra các dạng nhỏ và tìm phương pháp giải cho mỗi dạng:	
2.3. Giải pháp 3: Tổ chức tốt các hoạt động hình thành và rèn kỹ năng giải toán:	
3. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại đơn vị	14
4. Hiệu quả của sáng kiến	15
4.1. Hiệu quả về khoa học	15
4.2. Hiệu quả về kinh tế.....	15
4.3. Hiệu quả về xã hội	16
5. Tính khả thi	16
6. Thời gian thực hiện đề tài, sáng kiến	16
7. Kinh phí thực hiện đề tài, sáng kiến	16
III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.....	16

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến

Như chúng ta đã biết “**Tiểu học là bậc học nền móng trong hệ thống giáo dục quốc dân**”. Bậc Tiểu học giữ một vị trí vô cùng quan trọng, nó là nền tảng vững chắc cho việc học tập của các em sau này. Ở bậc Tiểu học không những được tiếp thu những tri thức khoa học mà các em còn có những phương pháp và kĩ năng ban đầu về các hoạt động nhận thức. Trên cơ sở đó nó bồi dưỡng trí thông minh, sự sáng tạo cho các em, tạo điều kiện để các em tiếp tục học lên các cấp trên. Do đó nhiệm vụ của người giáo viên Tiểu học cũng vô cùng quan trọng. Không những người giáo viên phải cung cấp cho các em những tri thức khoa học mà còn giáo dục các em một cách toàn diện. Một trong những môn học quan trọng hàng đầu mà người giáo viên không thể bỏ qua đó là môn Toán học.

Trong các bậc học, bộ môn Toán có vị trí rất quan trọng. Nó không những có tác dụng trong cuộc sống mà nó còn rất cần thiết khi học các môn học khác. Nó góp phần phát triển trí thông minh, cách suy nghĩ độc lập, linh hoạt, sáng tạo, nó đóng góp vào việc hình thành các phẩm chất cần thiết và quan trọng của người lao động như: cẩn thận, tự tin, có ý chí vượt khó khăn, làm việc có khoa học, có nề nếp và tác phong khoa học.

Trong chương trình toán ở Tiểu học, môn Toán lớp 4 có vị trí đặc biệt quan trọng. Nó củng cố các kĩ năng giải các bài toán có lời văn dạng toán hợp nâng số lượng phép tính để giải bài toán đến 3 bước tính. Biết trình bày bài giải đầy đủ gồm các câu trả lời, các phép tính đáp số, có thể viết gộp các phép tính của một bước tính thành một dãy tính dựa vào quy tắc hoặc công thức đã học. Vì vậy đối với lớp 4 việc dạy giải toán có lời văn nói chung và việc giải toán có lời văn điển hình nói riêng chiếm một vị trí vô cùng quan trọng. Trong quá trình giải toán học sinh phải tư duy một cách tích cực và linh hoạt, huy động một cách hợp lí các kiến thức, kĩ năng đã có vào tình huống cụ thể, trong nhiều trường hợp phải phát hiện được những dữ kiện chưa được nêu ra một cách tường minh.

Có thể nói giải toán là một trong những biểu hiện năng động nhất của sự vật hiện tượng đối với học sinh. Thông qua việc giải các bài toán có lời văn điển hình, các em thấy được nhiều mặt của thực tế đời sống hàng ngày. Do đó toán có lời văn là cầu nối giữa toán học trong nhà trường Tiểu học với ứng dụng trong cuộc sống xã hội. Qua việc giải toán có lời văn nói chung và giải toán có văn điển hình dạng “**Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó**” nói riêng, củng cố cho các em kĩ năng thực hiện các phép tính số học, kĩ năng tiến hành, các bước giải toán và rèn tư duy, suy luận logic, kêu gọi và tập được kĩ năng quan sát, phỏng đoán, tìm tòi cho học sinh.

Qua thực tế cho thấy khi dạy toán có lời văn điển hình nói chung và dạy giải toán dạng “**Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó**” nói riêng, tôi thấy các

em nắm được kỹ năng giải toán của giáo viên truyền đạt tới học sinh như một văn bản lí thuyết, còn học sinh ứng dụng vào thực tế ở mức độ nào thì đó còn tùy thuộc vào sự tiếp thu của học sinh. Đó là điều băn khoăn, suy nghĩ. Có những bài toán các em làm xong, không cần thử lại, không cần xem thực tế áp dụng như thế nào, cứ để kết quả như vậy mặc dù có thể sai. Xuất phát từ tình hình thực tế học sinh như vậy, tôi đã mạnh dạn nghiên cứu và xin đưa ra một số biện pháp để nâng cao chất lượng giải toán qua đề tài: ***“Rèn kỹ năng giải toán Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó cho học sinh lớp 4” Trường tiểu học Vạn Thắng.***

2. Mục tiêu của đề tài, sáng kiến

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và phân tích thực trạng, hiệu quả của sáng kiến, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy dạng toán ***“Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó”*** cho học sinh.

3. Thời gian, đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Thời gian thực hiện sáng kiến từ tháng 9 năm 2023 đến nay.

Đối tượng, phạm vi yêu cầu: Sáng kiến đã và đang được thực hiện, áp dụng tại Trường Tiểu học Vạn Thắng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội và cũng có thể được áp dụng tại các trường học ở các địa phương khác trong huyện.

II. NỘI DUNG SÁNG KIẾN

1. Hiện trạng vấn đề

Ngày nay, sự bùng nổ của khoa học công nghệ và thông tin, nhiều nước đã thực hiện việc đổi mới giáo dục Tiểu học một cách toàn diện. Ở nước ta, bậc Tiểu học đang được Đảng và nhà nước quan tâm: Xác định bậc Tiểu học là nền tảng cho cả một hệ thống giáo dục quốc dân, đề ra mục tiêu của giáo dục là hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn. Mỗi môn học ở Tiểu học đều góp phần vào sự hình thành cơ sở ban đầu của nhân cách con người Việt Nam. Trong các môn học ở Tiểu học cùng với các môn học khác môn toán có vị trí rất quan trọng vì:

+ Các kiến thức, kỹ năng của môn toán ở Tiểu học có nhiều ứng dụng trong đời sống thực tế hàng ngày, nó cần thiết cho người lao động, là cơ sở giúp học sinh học những môn học khác.

+ Môn toán giúp học sinh nhận biết mối quan hệ về số lượng, không gian của thế giới hiện thực. Từ đó học sinh có nhận thức về thế giới xung quanh, rèn luyện phương pháp suy nghĩ, suy luận, giải quyết vấn đề và hình thành nhân cách con người lao động mới.

+ Trong nhiều năm theo dõi học sinh học toán, đặc biệt là năm nay tôi được Ban giám hiệu phân công dạy lớp 4 và là khối trưởng khối 4, chúng tôi trực tiếp đi tiếp thu chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học theo chương trình Phổ thông 2018, qua việc theo dõi các em học sinh lớp 4 giải toán, tôi thấy các em có một thói quen không tốt đó là: Các em đọc đầu bài qua loa, sau đó giải bài toán ngay, làm

xong không cần kiểm tra lại kết quả, ...nhất là những bài toán: ẩn tổng, ẩn hiệu....
Thế nên, khi được chữa bài, các em mới biết là mình sai.

+ Năm học 2023-2024, là năm học đầu tiên triển khai phương pháp dạy học mới chương trình GDPT 2018 (Lấy học sinh làm trung tâm). Khi dạy dạng toán **“Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó”**. Qua quan sát các em làm bài ở lớp mỗi khi dự giờ, thăm lớp, các em đã có sự nhầm lẫn khi giải dạng toán này .

Để nắm được thực trạng học sinh lớp 4 giải dạng toán này cụ thể như thế nào, tôi đã tiến hành ra bài toán khảo sát như sau rồi đề nghị giáo viên khối 4 giao đề, kiểm tra các em làm bài trong thời gian là 20 phút để nắm được kết quả.

Bài toán 1: Tổng của hai số là 18, hiệu của hai số là 2. Tìm hai số đó.

Bài toán 2: Có 48 lít dầu đựng vào hai thùng. Thùng thứ nhất đựng nhiều hơn thùng thứ hai 4l. Hỏi mỗi thùng đựng được bao nhiêu lít?

Sau khi chấm bài khảo sát của học sinh lớp 4A1, tôi nhận thấy kết quả các em làm bài như sau:

- Có nhiều em làm đúng cả 2 bài.
- Một số em làm nhầm số lớn, số bé ở bài 2
- Một số em có phép tính sai.
- Còn một vài em sai cả hai bài.

* Kết quả cụ thể:

Tổng số HS	Điểm 9,10		Điểm 7 -> 8		Điểm 5 -> 6		Điểm dưới 5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
38	5	13,0	8	21,0	18	47,6	7	18,4

* Nguyên nhân có kết quả như vậy là do phần lớn các em còn chủ quan khi làm bài, chưa nhớ kĩ các phương pháp giải dạng toán này. Mặt khác, cũng có thể là các em chưa biết nhận dạng toán và sự cần thiết của nhận diện dạng toán.

Xuất phát từ tình hình thực tế của năm 2023-2024, tôi đã mạnh dạn đổi mới phương pháp dạy dạng toán này, triển khai tới từng giáo viên dạy ở khối 4 ngay từ đầu học kì I năm học 2023 - 2024. Mục đích chính giúp các em có phương pháp giải Toán nói chung, phương pháp giải dạng toán **“Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó”** nói riêng. Các em chủ động thực hiện giải Toán không máy móc mà phải dựa vào tư duy, phân tích tổng hợp dựa trên phương pháp giải và thực tế đề bài.

2. Giải pháp thực hiện sáng kiến để giải quyết vấn đề

Như trên đã trình bày học sinh lớp 4 là đối tượng của cấp học đầu trong giai đoạn quan trọng của bậc tiểu học nên tư duy của trẻ đã bắt đầu phát triển nhưng khả năng ghi nhớ, phân tích, lập luận của học sinh còn chưa chặt chẽ. Khi giải các dạng

toán điền hình các em hay quên, nhầm lẫn từ dạng nọ sang dạng kia. Hoặc khi giải các bài toán: “Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó” với các bài cho dưới dạng ẩn tổng, ẩn hiệu... học sinh hay bị lúng túng khó tìm ra cách giải.

Ví dụ: Khi giải bài: Tổng số học sinh lớp 4A1 là 38 em. Trong đó số học sinh nữ nhiều hơn số học sinh nam là 2 em. Tìm số học sinh nữ, số học sinh nam của lớp?

Các em dễ dàng tìm ra lời giải vì bài toán đã cho biết tổng của hai số và hiệu của chúng, số học sinh nữ nhiều hơn số học sinh nam. Song với bài toán: Tổng của hai số lẻ liên tiếp là 180. Tìm hai số đó? thì nhiều học sinh lại lúng túng không biết tìm hiệu hai số như thế nào. (**Minh chứng số 1**)

Hoặc với bài toán: Hai lớp 5A và lớp 5B cùng trồng được 235 cây. Nếu lớp 5A trồng bớt đi 30 cây, lớp 5B trồng thêm 40 cây thì số cây của lớp 5B nhiều hơn số cây lớp 5A là 35 cây. Tính số cây mỗi lớp trồng được.

Nhiều em tính: Số cây của lớp 5A trồng được là:

$$(235-35):2=100(\text{cây})$$

Số cây của lớp 5B trồng được là:

$$100+35=135(\text{cây})$$

Các em đã bỏ qua dữ kiện: Nếu lớp 5A trồng bớt 30 cây, lớp 5B trồng thêm 40 cây thì số cây của lớp 5B nhiều hơn 5A là 35 cây. Như vậy 235 là tổng số cây hai lớp đã trồng còn 35 là hiệu số cây của hai lớp sau khi lớp 5A trồng ít đi và 5B trồng tăng thêm.

Xuất phát từ những phân tích về vai trò quan trọng của việc rèn kỹ năng giải toán cho học sinh và từ những ví dụ thực tế, là một giáo viên dạy lớp 4 nhiều năm tôi đã đúc rút được một vài kinh nghiệm: “Rèn kỹ năng giải toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó cho học sinh lớp 4”.

Việc rèn kỹ năng giải toán cho học sinh là bao gồm cả việc rèn luyện năng lực khái quát hoá, năng lực sáng tạo trong giải toán.

Việc “Rèn kỹ năng giải toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó cho học sinh” nhằm nâng cao trình độ lý luận, phương pháp dạy toán cho bản thân mình cùng đồng nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng dạy toán theo hướng: phát huy tính độc lập, sáng tạo của các em. Đó là các cơ sở để các em giải tốt dạng toán: “Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó” cho học sinh lớp 4 nói chung

Muốn cho học sinh giải tốt bài toán dạng này, trước tiên chúng ta phải hướng dẫn các em nắm chắc được những bước cần thực hiện khi giải toán nói chung.

2.1. Giải pháp 1. Rèn cho học sinh kỹ năng cơ bản khi giải toán có lời văn:

Qua nhiều năm dạy lớp 4, bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 4, tôi thấy để nâng cao chất lượng của việc dạy giải toán nói chung và giải toán “**Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số**” nói riêng, điều quan trọng là học sinh phải nắm bắt được các

kỹ năng phân tích để tìm tòi lời giải, kỹ năng trình bày lời giải, kỹ năng kiểm tra và đánh giá kết quả lời giải. Vì vậy khi dạy học sinh giải toán “tìm hai số khi biết tổng và hiệu của 2 số đó” tôi rất chú trọng đến việc rèn luyện cho học sinh những kỹ năng trên. Cụ thể là:

2.1.1. Kỹ năng tìm hiểu đề:

Muốn giải được bài toán thì trước hết học sinh phải đọc kỹ đề và tìm hiểu đề. Việc này sẽ giúp các em xác lập được mối quan hệ giữa cái đã cho và cái phải tìm trong điều kiện bài toán, từ đó các em tìm ra cách giải bài toán. Trong thực tế có nhiều học sinh do chưa hiểu đề kỹ nên đã bỏ quên những chi tiết, những dữ liệu cần thiết hoặc hiểu nhầm đề bài dẫn đến làm bài sai, việc tìm hiểu nội dung bài toán được thông qua việc đọc đề toán (cho dù dưới dạng lời văn hoàn chỉnh hoặc bằng tóm tắt sơ đồ). Vì vậy trong quá trình hướng dẫn học sinh giải toán, tôi luôn luôn yêu cầu học sinh phải đọc kỹ đề bài xem bài toán cho biết điều kiện gì? Bài toán hỏi cái gì? Khi đọc bài toán các em phải phân tích để hiểu một số thuật ngữ toán học quan trọng, chỉ rõ tình huống toán học theo ngôn ngữ thông thường. Để hình thành thói quen này, với tiết học đầu tiên, tôi yêu cầu học sinh tìm hiểu 3- 5 bài toán để học sinh làm quen với việc tóm tắt bài toán ở dạng này.

Ví dụ:

Bài toán 1: Mi và Mai có 25 cái kẹo, biết rằng Mi có ít hơn Mai 5 cái kẹo. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu cái kẹo?(SGKKNTT với cuộc sống – Toán 4 Trang 86).

Hướng dẫn học sinh xác định:

- Bài toán cho biết: + Tổng: 25 cái kẹo
 + Hiệu số giữa kẹo của Mai và Mi là: 5 cái.
- Bài toán yêu cầu tính: + Số cái kẹo của Mai?
 + Số cái kẹo của Mi?

Trong đó số kẹo của Mi là số bé, số cái kẹo của Mai là số lớn.

- Bài toán thuộc dạng tìm hai số khi biết tổng và hiệu hai số đó.

Bài toán 2: Mẹ đem ra chợ bán 80 quả trứng vịt và trứng gà, trong đó trứng gà nhiều hơn trứng vịt 10 quả. Hỏi mẹ đem ra chợ bán bao nhiêu quả trứng gà, bao nhiêu quả trứng vịt? (SGK KNTT với cuộc sống – Toán 4 Trang 87)

- Hướng dẫn học sinh xác định:

- + Bài toán cho biết: -Tổng số quả trứng gà và vịt là:80 quả
 - Hiệu số quả trứng gà và vịt là:10 quả
- + Yêu cầu tính: số quả trứng gà? số quả trứng vịt?

Khi học sinh đã tìm hiểu đề bài, yêu cầu học sinh xác định: “bài toán thuộc dạng gì? (Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó). Trong đó trứng gà là số lớn, trứng vịt là số bé.

Bài toán 3: Tổng hai số lẻ liên tiếp là 56. Tìm hai số đó.

- Hướng dẫn học sinh xác định:
- Bài toán cho biết:
 - + Tổng hai số là 56
 - + Hai số đó là hai số lẻ liên tiếp
- Yêu cầu tính:
 - + Số lớn?
 - + Số bé?

Bài toán thuộc dạng tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

2.1.2 Kỹ năng phân tích đề bài, tìm lời giải:

Khi học sinh đã tìm hiểu đề rồi các em sẽ phải phân tích đề bài nghĩa là phân tích các dữ kiện và câu hỏi bài tập nhằm xác định mối liên hệ giữa chúng và tìm được phép tính số học thích hợp. Hoạt động này thường được diễn ra như sau:

- Minh hoạ bài toán bằng tóm tắt đề toán dùng sơ đồ.
- Lập kế hoạch giải bài toán nhằm xác định trình tự giải quyết thực hiện các phép tính số học.

Khi dạy học sinh phân tích đề tôi thường hướng dẫn học sinh phân tích theo hai hình thức: Đi từ câu hỏi bài toán về số liệu đã cho hoặc đi từ số liệu đã cho đến câu hỏi bài toán. Cụ thể:

*** Hình thức đi từ câu hỏi bài toán về số liệu đã cho:**

+ Bài toán 1: Ở trên tôi hướng dẫn học sinh tự phân tích:

- Bài toán yêu cầu ta tính gì? (Số cái kẹo của Mai, của Mi).
- Em có thể tính ngay số kẹo của Mai được chưa? (Tính được)

Làm cách nào? Lấy: (Tổng + Hiệu): 2

Khi tính được số kẹo của Mai rồi em có tính được số kẹo của Mi không?

(được). Làm cách nào? (Số kẹo của Mai – Hiệu hoặc Tổng – Số kẹo của Mai)

- Tìm được số kẹo của Mai, số kẹo của Mi là ta trả lời câu hỏi bài toán chưa? (được) (**Minh chứng số 2**)

* Bài toán 2: Đã nêu ở trên với hình thức này học sinh cũng phải biết tự phân tích:

- Bài toán yêu cầu tính gì? (Hai số lẻ liên tiếp)
- Có thể tính luôn hai số được chưa? chưa Vì sao? (đây là hai số lẻ liên tiếp nhau).

- Việc đầu tiên ta phải làm là gì? (Tìm hiệu hai số) bằng cách nào? (Vì hai số lẻ liên tiếp nhau nên chúng hơn kém nhau 2 đơn vị, vì vậy hiệu hai số đó là 2).

- Khi biết hiệu ta tìm được gì (số lớn hoặc số bé trước) bằng cách nào?

(Số lớn = (Tổng + Hiệu): 2; Số bé = (Tổng – Hiệu): 2)

- Tìm được số lớn, số bé đã trả lời được câu hỏi của bài toán chưa? (được)

*** Hình thức đi từ số liệu, dữ kiện đến câu hỏi của bài toán:**

Ví dụ: Vẫn bài toán 1 ở trên tôi hướng dẫn học sinh tự phân tích .

- Từ việc biết tổng số kẹo của hai bạn là 25 cái, hiệu số kẹo của hai bạn là 5 cái, ta có thể tính được gì ? (Số kẹo của Mai hoặc Mi trước) , bằng cách nào ?

(Số kẹo của Mai = (Tổng + Hiệu): 2 ; số kẹo của Mi = (Tổng – Hiệu): 2

- Biết được số kẹo của Mai, số kẹo của Mi ta đã trả lời được câu hỏi bài toán chưa? (được)

Ví dụ: Ở bài toán 2 nêu trên, tôi hướng dẫn học sinh:

- Từ việc biết đây là hai số lẻ liên tiếp sẽ biết được điều gì (Hiệu 2 số) bằng cách nào ? (Vì hai số lẻ liên tiếp luôn hơn kém nhau 2 đơn vị nên hiệu giữa chúng là 2).

- Biết tổng hai số, tìm được hiệu hai số ta sẽ tính được gì ? (Số lớn hoặc số bé trước) bằng cách nào ?

(Số lớn = (Tổng + Hiệu): 2 ; Số bé = (Tổng – Hiệu): 2)

- Biết hai số rồi ta đã trả lời được câu hỏi bài toán chưa ? (được)

Như vậy bằng phương pháp phân tích, tổng hợp, học sinh dựa trên các dữ kiện đã cho và câu hỏi bài toán để rút ra được trình tự bước giải. Cho dù áp dụng hình thức nào đi nữa thì học sinh tự phân tích, tự lựa chọn hình thức và giáo viên chỉ quan sát, giúp đỡ các em còn lúng túng hoặc sai. Tiếp đó cho học sinh trình bày hình thức mình phân tích hay tổng hợp để bạn nhận xét và giáo viên là người kết luận cuối cùng. Có như vậy thì các em mới tự hoạt động và tự rèn luyện kỹ năng.

2.1.3. Kỹ năng trình bày lời giải

Hoạt động này bao gồm: Thực hiện các phép tính đã nêu trong kế hoạch giải bài tập và trình bày bài giải. Theo yêu cầu của môn toán lớp 4 thì các em phải trình bày một phép tính có lời giải trước (có thể là phép tính đơn hoặc phép tính gộp) và cuối cùng ghi đáp số. điều quan trọng là học sinh tìm cái gì thì đặt lời giải về cái đó bởi không ít em trong thực tế viết tính một đằng, lời giải một nẻo. Phải làm cho học sinh có thói quen khi phân tích: Cái gì thì phải làm đầu tiên thì cái đó là phép tính và lời giải trước.

Ví dụ: Bài toán về tìm 2 số lẻ liên tiếp ở trên em sẽ phải trình bày được:

Vì hai số phải tìm là 2 số lẻ liên tiếp. Mà 2 số lẻ liên tiếp luôn hơn kém nhau 2 đơn vị. Vì vậy hiệu giữa 2 số phải tìm là 2.

Số lớn là: $(56 + 2): 2 = 29$

Số bé là: $29 - 2 = 27$

Đáp số: Số lớn: 29

Số bé: 27 (**Minh chứng số 3**)

2.1.4. Kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả lời giải

Việc kiểm tra lời giải nhằm phân tích cách giải của mình đúng hay sai? Nếu sai thì sai ở chỗ nào để sửa chữa. Trong thực tế có nhiều em mặc dù khả năng phân tích, lập luận rất chặt chẽ nhưng do tính toán nhầm lẫn nên kết quả bài toán sai. Vì

vậy khi giải toán tôi yêu cầu học sinh tự rèn luyện cho mình có kỹ năng kiểm tra lời giải. Có nhiều cách kiểm tra lời giải của dạng toán trên. Ví dụ:

- Tạo ra bài toán ngược với bài toán đã cho rồi giải.
- Giải bài toán bằng cách khác.
- Xét tính hợp lý của đáp số ...

Ví dụ ở bài toán số kẹo, các em có thể kiểm tra: bằng cách giải bài toán như sau:

Mai 15 cái kẹo, Mi 10 cái kẹo. Tính tổng số kẹo và hiệu số kẹo giữa 2 bạn là.

Tổng số kẹo của hai bạn Mi và Mai là:

$$15 + 10 = 25 \text{ (cái kẹo)}$$

Hiệu số kẹo của Mai và Mi là:

$$15 - 10 = 5 \text{ (cái kẹo)}$$

Như vậy tổng số kẹo và hiệu số kẹo của hai bạn đều phù hợp với bài toán đã cho. Hay ở bài toán: Tìm hai số lẻ liên tiếp, các em có thể nhận xét tính hợp lý của đáp số:

27, 29 đúng là hai số lẻ liên tiếp.

Mà $27 + 29 = 56$. Vậy cách giải đã nêu trên là đúng.

2.2. Giải pháp 2: Phân chia dạng toán tìm 2 số khi biết tổng và hiệu của hai số đó ra các dạng nhỏ và tìm phương pháp giải cho mỗi dạng:

Khi học sinh có kỹ năng cơ bản, để giúp học sinh giải được các bài toán ở những trường hợp khác nhau, điều quan trọng là các em phải nhận ra bài toán thuộc dạng nào để lựa chọn phương pháp giải. Khi giải các bài toán dạng: Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó thì bắt buộc học sinh phải phân biệt đâu là tổng, hiệu, để tìm số lớn, số bé.

Với các bài toán cơ bản trong sách giáo khoa Toán KNTT với cuộc sống thì đa số các em giải được. Song để phát huy tư duy của trẻ, để tích cực hoá vai trò của trẻ, với học sinh khá giỏi tôi thường cho học sinh tiếp xúc với một số bài toán nâng cao. Khi hướng dẫn học sinh tôi thường hướng dẫn học sinh phân biệt: Bài toán thuộc trường hợp nào: ẩn tổng – ẩn hiệu hay ẩn cả tổng và hiệu... và tìm phương pháp giải chung cho các bài toán đó. Cụ thể là:

2.2.1. Với các bài toán cho biết luôn cả tổng và hiệu của 2 số:

Đa số các bài tập ở SGK Toán KNTT đều thuộc dạng này. Với các bài toán này, tôi yêu cầu học sinh đọc kỹ đề, xác định tổng - hiệu - số lớn - số bé rồi áp dụng phương pháp đã có:

Cách thứ nhất: *Tìm số bé trước:*

$$\text{Số bé} = (\text{tổng} - \text{hiệu}) : 2.$$

$$\text{Số lớn} = \text{Tổng} - \text{số bé} \text{ (Hoặc số bé} + \text{hiệu)}$$

Cách thứ hai: *Tìm số lớn trước:*

$$\text{Số lớn} = (\text{tổng} + \text{hiệu}): 2$$

$$\text{Số bé} = \text{tổng} - \text{số lớn} \text{ (hoặc } \text{Số lớn} - \text{hiệu})$$

Với cách làm này, đa số học sinh đã biết áp dụng công thức tính để tìm số lớn, số bé và giải đúng bài toán.

2.2.2. Với các bài toán ra dưới dạng ẩn tổng, ẩn hiệu hoặc ẩn cả tổng và hiệu số: (Dành cho đội tuyển học sinh ôn giải toán vàoedu)

Ví dụ:

*Bài toán1: Tổng hai số chẵn là 30. Tìm hai số đó, biết giữa chúng có ba số lẻ.

Hướng dẫn học sinh:

Bài toán cho: + Tổng 2 số: 30

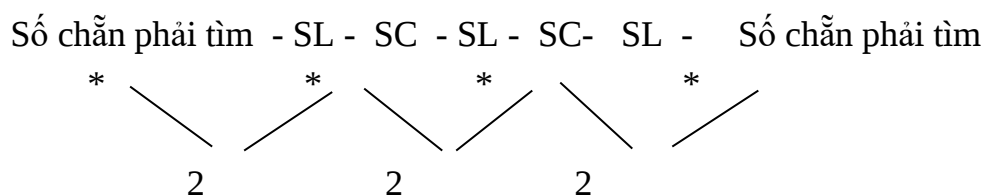
+ 2 số chẵn mà giữa chúng có 3 số lẻ.

+ Tức là chưa biết hiệu.

+ Yêu cầu tìm: 2 số đó.

Như vậy với bài toán này nhất thiết phải tìm hiệu hai số. Vậy việc đầu tiên phải tìm hiệu hai số.

Giáo viên có thể gợi ý để học sinh tự vẽ sơ đồ, hoặc tự suy luận:



Nhìn sơ đồ ta thấy giữa hai số chẵn mà giữa chúng có 3 số lẻ có 3 khoảng cách, mỗi khoảng cách là 2.

Vậy hiệu 2 số là:

$$2 \times 3 = 6$$

Hoặc các em có thể suy luận: Hai số chẵn liên tiếp là hai số chẵn cách nhau (hơn kém nhau) 2 đơn vị và giữa chúng có một số lẻ. Vậy giữa chúng có 3 số lẻ thì cách nhau:

$$2 \times 3 = 6 \text{ (đơn vị)}$$

Hiệu của hai số đó là 6. Từ đó các em có thể thấy nếu giữa chúng cách nhau số lẻ thì hiệu của chúng là $2 \times n$. Trường hợp tìm các số lẻ cũng lập luận tương tự. Như vậy lời giải bài toán sẽ được trình bày:

Giải: Ta thấy 2 số chẵn thì giữa chúng hơn kém nhau 2 đơn vị và giữa chúng có 1 số lẻ. Vậy nếu 2 số chẵn giữa chúng có 3 số lẻ thì chúng hơn kém nhau là:

$$2 \times 3 = 6$$

Vậy hiệu hai số phải tìm là 6.

$$\text{Số lớn là: } (30 + 6) : 2 = 18$$

$$\text{Số bé là: } 18 - 6 = 12$$

Đáp số: Số lớn: 18

Số bé: 12

Thử lại: Ta có thể liệt kê từ 12 đến 18 dãy số có:

12, 13, 14, 15, 16, 17, 18. Giữa chúng có 3 số lẻ là: 13, 15, 17.

Với cách hướng dẫn như vậy học sinh sẽ tìm được hiệu hai số đúng. Từ đó sẽ giải bài toán một cách dễ dàng. **(Minh chứng số 4)**

*Bài toán 2: Chu vi hình chữ nhật là 256 cm. Biết chiều rộng kém chiều dài là 18 cm. Tìm kích thước chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật. **(Dành cho đội tuyển học sinh ôn giải toán vào)**

- Hướng dẫn học sinh: Bài cho biết: + Chu vi hình chữ nhật: 256 cm.

+ Hiệu giữa dài và rộng là: 18 cm.

Yêu cầu tính: Kích thước của hình chữ nhật là chiều dài, chiều rộng.

Bài toán thuộc dạng tìm hai số khi biết tổng và hiệu nhưng ẩn tổng số. Như vậy nhất thiết phải tìm được tổng 2 chiều của hình chữ nhật. Tôi yêu cầu học sinh tìm mối quan hệ giữa chu vi và tổng chiều dài, chiều rộng:

Chu vi HCN = (dài + rộng) $\times$ 2 (cùng đơn vị đo).

Vậy: Tổng của hai chiều là nửa chu vi. Việc đầu tiên phải đi tìm là: nửa chu vi hình chữ nhật hay tổng của chiều dài và chiều rộng là:

$$256: 2 = 128 \text{ (cm)}$$

Chiều dài hình chữ nhật là:

$$(128 + 18): 2 = 73 \text{ (cm)}$$

Chiều rộng hình chữ nhật là:

$$73 - 18 = 55 \text{ (cm)}$$

Đáp số: Dài: 73 cm.

Rộng: 55 cm

Như vậy qua bài toán này, tôi củng cố luôn cho học sinh nếu bài toán yêu cầu đi tìm kích thước của hình khi biết hiệu chiều dài và chiều rộng, biết chu vi của hình thì việc đầu tiên là phải tìm nửa chu vi và đưa về dạng toán: Tìm hai số khi biết tổng và hiệu số, từ đó các em sẽ giải đúng bài toán. **(Minh chứng số 5)**

* Bài toán 3: Trong một phép cộng 2 số hạng là 2 số chẵn liên tiếp. Tổng của các số: số hạng thứ nhất, số hạng thứ hai và tổng số là 276. Tìm các số hạng của phép tính đó. Biết số hạng thứ nhất hơn số hạng thứ hai.

Đây là bài toán dành cho học sinh đội tuyển thi Toán Vào của lớp tôi. Các em phải biết phân tích:

Bài toán cho biết: - 2 số hạng là hai số chẵn liên tiếp

(điều này sẽ giúp ta tìm được hiệu 2 số)

- Tổng: Số hạng thứ nhất + số hạng thứ 2 + tổng số = 276.

(Điều này sẽ giúp ta tìm được tổng 2 số)

Như vậy đây là bài toán: tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó nhưng bài ra dưới dạng ẩn cả tổng, ẩn cả hiệu 2 số. Vậy việc đầu tiên nhất thiết phải tìm tổng hoặc hiệu hai số đó.

Từ việc phân tích trên ta thấy vì đây là hai số chẵn liên tiếp nên hiệu hai số là 2.

Theo đề bài: Số hạng thứ nhất + Số hạng thứ hai + Tổng = 276

Hay: $\text{Tổng} + \text{Tổng} = 276$

Vậy tổng hai số phải tìm là: $276 : 2 = 138$

Số hạng thứ nhất là: $(138 + 2) : 2 = 70$

Số hạng thứ hai là: $70 - 2 = 68$

Đáp số: Số thứ nhất: 70

Số thứ hai: 68

Như vậy tùy từng bài toán, người ta cho biết dữ kiện nào thì học sinh phải biết dựa vào dữ kiện đó để tìm ra tổng hoặc hiệu các số phải tìm. Điều quan trọng từ sự hướng dẫn của cô giáo các em phải linh hoạt, sáng tạo tìm ra cách giải phù hợp.

(Minh chứng số 6)

2.2.3. Với các dạng bài cho biết tổng và hiệu 2 số nhưng tổng và hiệu hai số không cùng xảy ra một thời điểm:

Bài toán 1: Một cửa hàng đã bán được 215 m vải hoa và vải trắng. Sau đó cửa hàng bán thêm được 37 m vải hoa nữa và như vậy đã bán được số m vải hoa nhiều hơn vải trắng là 68 m. Hỏi cửa hàng đã bán được bao nhiêu m vải mỗi loại? **(Dành cho đội tuyển học sinh ôn giải toán vào)**

* Hướng dẫn học sinh phân tích:

- Bài toán cho biết: + Tổng số vải 2 loại lúc đầu: 215 m

+ Bán thêm: 37 m vải hoa.

+ Hiệu số m vải hoa và vải trắng là 68 m.

- Tính số m vải mỗi loại?

Khi đọc bài toán này nhiều em đã thực hiện:

Số m vải hoa là: $(215 + 68) : 2 = 141$ dư 1.

Vì phép chia có dư nên các em lúng túng khó tìm ra cách giải tiếp. Như vậy các em đã bỏ qua dữ kiện: Số vải hoa bán thêm là 37 m.

Khi hướng dẫn học sinh tôi lưu ý các em: Bài cho biết tổng số m vải 2 loại lúc đầu là 215 m. Còn hiệu số m vải hoa và trắng là 68 m là hiệu số xảy ra sau khi bán thêm 37 m vải hoa. Vậy không thể tìm số m vải hoa bằng cách lấy:

$(\text{Tổng lúc đầu} + \text{hiệu lúc sau}) : 2$ mà buộc các em phải đưa được tổng và hiệu hai số về cùng một thời điểm bằng cách tìm tổng số vải lúc sau khi bán được thêm 37 m vải hoa nữa và yêu cầu học sinh hiểu.

Khi bán thêm 37 m vải hoa thì tổng số vải của cả 2 loại có thay đổi như thế nào? (Tăng thêm 37 m). Vậy muốn tìm tổng số m vải bán được cả hai loại vải lúc sau ta làm như thế nào? ($215 + 37 = 252$) việc đầu tiên là phải làm gì? (Tổng số vải bán được lúc sau).

Sau đó đi tìm gì? (số m vải bán được mỗi loại).

Số m vải hoa bán được là:

$$(252 + 68) : 2 = 160 \text{ (m)}$$

Số m vải trắng bán được là:

$$160 - 68 = 92 \text{ (m)}$$

Đáp số: Vải hoa: 160 m

Vải trắng: 92 m

Với cách hướng dẫn như trên, học sinh cũng sẽ tìm ra cách giải bài toán và giải đúng.

2.2.4. Với dạng bài yêu cầu tìm nhiều số khi biết tổng số và hiệu giữa chúng:

Ví dụ: Trung bình cộng của bốn số tự nhiên là 360. Tìm bốn số đó, biết hai số liên nhau hơn kém nhau 80 đơn vị. **(Dành cho đội tuyển học sinh ôn giải toán viodu)**

Hướng dẫn học sinh: - Bài cho biết: + Trung bình cộng của 4 số là 360.

(điều này giúp ta tìm được tổng 4 số)

+ Hiệu giữa hai số liên nhau là: 80.

- Tính: Bốn số đó?

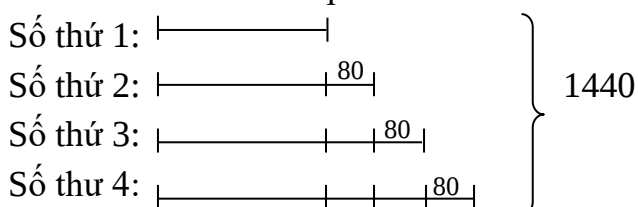
Đây là bài toán thuộc dạng tìm nhiều số khi biết tổng của chúng và hiệu giữa mỗi số. Với bài này không thể áp dụng công thức:

$$\text{Số lớn} = (\text{Tổng} + \text{hiệu}) : 2.$$

Với những bài này cần yêu cầu học sinh tìm tổng 4 số rồi vẽ sơ đồ:

Giải: Tổng của 4 số là: $360 \times 4 = 1440$

Vì cứ hai số liên tiếp nhau hơn kém nhau 80 đơn vị nên ta có sơ đồ:



Nhìn trên sơ đồ ta thấy:

$$\text{Bốn lần số thứ nhất là: } 1440 - (80 \times 6) = 960$$

$$\text{Số thứ nhất là: } 960 : 4 = 240$$

$$\text{Số thứ hai là: } 240 + 80 = 320$$

$$\text{Số thứ ba là: } 320 + 80 = 400$$

$$\text{Số thứ tư là: } 400 + 80 = 480$$

Đáp số: 240, 320, 400, 480.

Như vậy học sinh phải tìm ra cách giải một cách linh hoạt. Khi bài toán yêu cầu tìm các số khi biết hiệu giữa hai số liền nhau (Các số viết theo qui luật cách đều) và biết trung bình cộng giữa các số liền nhau thì việc đầu tiên phải tính tổng các số. Sau đó thể hiện các số theo sơ đồ đoạn thẳng. Từ đó tìm ra số bé nhất bằng cách lấy tổng các số trừ đi tổng số hiệu giữa mỗi số với số bé nhất, sau đó chia hiệu đó cho tổng các số hạng phải tìm. Điều quan trọng là học sinh dễ tìm ra cách giải bài toán.

Dạng toán “**Tìm hai số khi biết tổng và hiệu hai số đó**” cũng bao gồm nhiều dạng nhỏ, mỗi dạng cần có cách lập luận, phương pháp giải khác nhau. Muốn có kỹ năng giải loại toán trên cần tạo cho trẻ thói quen độc lập, linh hoạt sáng tạo nhất là đối với học sinh khá giỏi để vận dụng tốt phương pháp giải cơ bản.

2.3. Giải pháp 3: Tổ chức tốt các hoạt động hình thành và rèn kỹ năng giải toán:

Khi học sinh nắm bắt được cách giải toán “**Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số**”, muốn để học sinh nhớ lâu, phát huy năng lực sáng tạo, năng lực khái quát hoá ...Giáo viên nên có các hình thức để hình thành các năng lực đó là rèn kỹ năng giải toán. Hoạt động này có thể được tiến hành qua một số phép giải như sau:

2.3.1. Trong một giờ toán học sinh giải các bài tập nâng dần theo mức độ phức tạp trong mối quan hệ giữa số đã cho và số phải tìm. Đây chính là nội dung dạy học mà giáo viên lựa chọn cho phù hợp với đối tượng học sinh.

Trong giờ học, với học sinh trung bình, giáo viên cho giải bài tập biết đủ các dữ kiện như tổng hai số, hiệu hai số. Học sinh khá, giáo viên cho các em giải bài toán phức tạp hơn như ẩn tổng hoặc ẩn hiệu. Học sinh giỏi cho các em giải bài toán ẩn cả tổng, cả hiệu. Cách làm này giúp các em học ở các mức khác nhau sẽ không cảm thấy chán nản, hụt hẫng.

VD: Nhóm 1: Ông và Nam năm nay 87 tuổi, biết ông nhiều hơn Nam 57 tuổi. Tính tuổi ông; tuổi Nam hiện nay?

VD: Nhóm 2: Cách đây 3 năm, ông và Nam 72 tuổi, biết ông nhiều hơn Nam 57 tuổi. Tính tuổi ông; tuổi Nam hiện nay?

VD: Nhóm : Trung bình cộng số tuổi ông và Nam năm nay là 43 tuổi, biết rằng 4 năm nữa, ông hơn Nam 52 tuổi. Tính tuổi ông; tuổi Nam hiện nay?

2.3.2. Trong một bài toán có nhiều cách giải có thể cho học sinh giải theo nhiều cách khác nhau và lựa chọn cách giải hay.

Ví dụ: An và Bình có tất cả 48 viên bi. Nếu An cho Bình 3 viên bi và Bình cho An 1 viên thì hai bạn có số bi bằng nhau. Hỏi trước khi cho mỗi người có bao nhiêu viên bi?

Tôi đã hướng dẫn học sinh có thể giải theo hai cách sau:

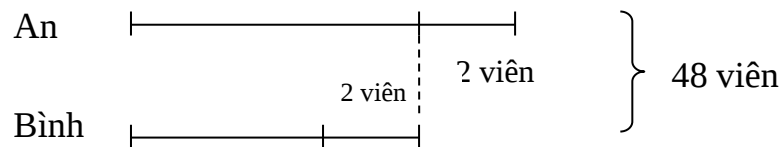
Cách 1: Khi An cho Bình 3 viên bi và Bình lại cho An 1 viên bi thì số bi của hai bạn không thay đổi nên tổng vẫn là 48 viên.

Khi đó số bi của hai bạn bằng nhau nên mỗi bạn có $\frac{1}{2}$ số viên bi. An sẽ lấy lại 3 viên bi lúc đầu cho Bình và trả lại cho Bình 1 viên; còn số viên bi của Bình là tổng số viên bi trừ đi số viên bi của An.

Cách 2: Khi An cho Bình 3 viên bi và Bình cho An 1 viên nên thực chất Bình nhận của An số bi là:

$$3 - 1 = 2 \text{ (viên)}$$

Khi đó số bi của hai bạn bằng nhau ta có sơ đồ sau:

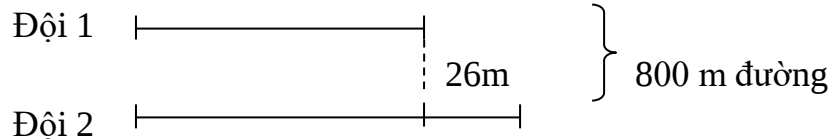


Lúc này các con đi tìm hiệu số viên bi của An và Bình rồi đưa về dạng toán Tìm hai số khi biết tổng và hiệu hai số đó.

(Minh chứng số 7)

2.3.3. Lập bài toán theo sơ đồ minh họa:

Ví dụ: Hãy lập bài toán theo sơ đồ sau:



Nhìn vào sơ đồ, giáo viên chỉ cần hỏi 800m đường là gì? 26m đường là gì? Học sinh dễ dàng lập được đề toán.

Đề toán: Hai đội công nhân sửa được tất cả 800 m đường. Đội thứ nhất sửa được ít hơn đội thứ hai 26 m. Hỏi mỗi đội sửa được bao nhiêu mét đường?

2.3.4. Hoạch lập đề toán theo cách giải đã cho sẵn:

Tổng số bi của Long và Nam khi cho nhau là:

$$24 + 4 + 2 = 30 \text{ (viên)}$$

Số bi của Long lúc sau là

$$(30 + 6):2 = 18 \text{ (viên)}$$

Số bi của Long lúc đầu là:

$$18 - 4 = 14 \text{ (viên)}$$

Số bi của Nam lúc đầu là:

$$24 - 14 = 10 \text{ (viên)}$$

Đề toán: Long và Nam có tất cả 24 viên bi. Nếu Long mua thêm 4 viên bi, Nam mua thêm 2 viên bi thì số bi của Long hơn số bi của Nam là 6 viên. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?

Ngoài kỹ năng giải toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu hai số còn có thể tiến hành theo nhiều hình thức khác. Tùy trình độ học sinh mà giáo viên chọn hình thức cho phù hợp.

* **Tóm lại:** Trên đây là phương pháp hướng dẫn các em học sinh lớp 4 giải tốt dạng bài toán: “**Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó**”, tôi tin rằng nếu chúng ta làm được như vậy thì các em nắm phương pháp giải dạng toán này tốt hơn, chắc chắn hơn, tránh được những sai sót có thể xảy ra. Các em sẽ có được tinh thần phấn khởi, tự tin khi giải toán.

* **Tính mới, sáng tạo**

Đề xuất các cấp chính quyền, ngành giáo dục bồi dưỡng, nâng cao hiệu quả giảng dạy toán có lời văn cho học sinh Tiểu học trên địa bàn huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Phân tích những hạn chế tồn tại, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả dạy toán “**Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó**”

Phát huy vai trò các Tổ chuyên môn, tham mưu Ban giám hiệu về việc dạy dạng toán này cho học sinh lớp 4, lớp 5.

3. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại đơn vị

Qua quá trình thực hiện đề tài: Rèn kỹ năng giải toán “**Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó cho học sinh lớp 4**”, tôi thấy:

Mặc dù số lượng tiết riêng cho loại toán này rất ít nhưng với sự củng cố thường xuyên cho các em trong giờ luyện tập, các buổi ôn luyện, các tiết hướng dẫn học... cô và trò vẫn thường xuyên trau dồi.

Đa số học sinh đã biết phân biệt và nhận dạng toán, nắm chắc cách giải các bài toán ở trình độ đại trà.

Nhiều học sinh đã phát huy năng lực sáng tạo, có thể giải thành thạo các bài toán có dữ kiện “ẩn” ở mức độ không quá khó. Nhiều em có thể tự tìm ra cách giải khá độc đáo, trình độ suy luận chặt chẽ. Đặc biệt là các em rất thích học toán, luôn say sưa tìm tòi cách giải hay và sáng tạo như bạn Phùng Nam Phong, Nguyễn Lan Phương, Đỗ Minh Vũ, Phùng Việt Hoàng, Đỗ Phương Thảo... Các con đạt giải Nhất, giải Ba cấp Huyện, một số học sinh đạt giải cấp trường.

Kết quả thu được như sau:

Mức đánh giá	Trước khi thực hiện	Sau khi thực hiện
Hoàn thành tốt	5 = 13,0 %	14 = 37,0 %
Hoàn thành	26 = 68,6 %	23 = 60,0 %
Chưa hoàn thành	7 = 18,4 %	1 = 2,6 %

4. Hiệu quả của sáng kiến

4.1. Hiệu quả về khoa học

Khối 4 nói riêng, trường Tiểu học Vạn Thắng nói chung đã đồng bộ đưa sáng kiến vào giảng dạy nhằm nâng cao kết quả dạy học. Trong mỗi tiết toán hay mỗi kì thi, chất lượng làm bài của học sinh được tăng lên rõ rệt.

Trong các tiết học, bài giảng của giáo viên luôn gây hứng thú học tập cho học sinh, các em cảm nhận được việc học tập phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi giáo viên trong việc đổi mới phương pháp dạy học lấy học sinh làm trung tâm.

Đối chiếu kết quả bảng thu được ở trên, rõ ràng ta thấy sự chuyển biến, thay đổi là hết sức tuyệt vời, có thể nói một cách chính xác là: Tất cả như đã thay đổi rõ rệt.

Trước khi thực hiện, số học sinh đạt điểm 9, 10 (HTT) chỉ có 5 em. Vậy mà sau khi thực hiện số học sinh đạt điểm 9, 10 (HTT) tăng lên là 14 em. Đặc biệt số học sinh điểm dưới 5 (CHT) giảm đáng kể chỉ còn 1 học sinh làm sai (do kĩ thuật tính toán).

Đó là bước đầu tôi đã đạt được trong việc rèn kỹ năng giải tổng- hiệu cho học sinh. Tôi hy vọng với biện pháp trên số lượng học sinh giỏi toán sẽ tăng hơn nữa.

4.2. Hiệu quả về kinh tế

Năm học 2023- 2024, khi được triển khai phương pháp dạy học mới- Giáo dục phổ thông 2018, hầu hết các lớp giảng dạy học sinh bằng phần mềm học liệu <https://hanhtrangso.nxbgd.vn/> của bộ sách KNTT và được nhà trường đầu tư tivi, máy chiếu. Giáo viên tự trang bị máy tính, máy in, giấy photo tài liệu, phiếu bài tập cho học sinh.

4.3. Hiệu quả về xã hội

Tạo được sự đồng thuận của các cấp, các ngành, chính quyền địa phương và mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn.

Nâng cao tinh thần phối hợp, trách nhiệm của đội ngũ viên chức, giáo viên trong đơn vị.

Kịp thời đề xuất cơ quan có thẩm quyền phối hợp trong việc kiểm tra, theo dõi thực hiện công tác dạy và học.

Xây dựng môi trường học tập điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong dạy học.

Nêu cao tinh thần trách nhiệm trong giảng dạy, trong học tập, nghiên cứu các chuyên đề... của nhà trường, của huyện.

5. Tính khả thi

Được các cấp chính quyền quan tâm xem xét, quyết định công nhận sáng kiến để có đủ cơ sở áp dụng trong thực tiễn cho học sinh trong những năm học tiếp theo.

Tạo được sự thống nhất, đoàn kết nội bộ trong nhà trường và các cơ quan chuyên môn liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục mới GDPT 2018.

Các đồng chí trong tổ chuyên môn, thường xuyên được bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, nâng cao trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm trong giảng dạy đạt hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

Các giải pháp nâng cao hiệu quả dạy toán “ **Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó**”

6. Thời gian thực hiện đề tài, sáng kiến

Áp dụng triển khai, thực hiện các giải pháp sáng kiến trong năm học này và những năm học sau.

7. Kinh phí thực hiện đề tài, sáng kiến

Các giải pháp được triển khai trong quá trình thực hiện nhiệm vụ dạy học. Đề xuất, tham mưu với Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, Hiệu trưởng hỗ trợ kinh phí in ấn sáng kiến, phiếu trắc nghiệm, phiếu bài tập cho học sinh.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Rèn kỹ năng giải toán “**Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số**” là một đề tài mang tính trí tuệ. Mục đích của nó là để tìm ra những vướng mắc còn tồn tại trong quá trình dạy học sinh giải toán hoặc biện pháp giải toán hay, sáng tạo. Từ đó nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng dạy giải toán cho học sinh theo hướng đổi mới dạy học, tích cực hoá vai trò hoạt động của học sinh.

Ngoài ra khi thực hiện đề tài này, người giáo viên là người hướng dẫn, khuyến khích học sinh tự nhận thức, tìm tòi, chủ động, tích cực, say mê trong việc giải toán.

*** Đối với nhà trường:**

Với nhận thức trên, tôi kiến nghị như sau:

- Nhà trường cần khuyến khích động viên, lan tỏa những giáo viên đã dùng phương pháp đổi mới dạy học. Như vậy giáo viên mới hăng say, phấn khởi và nhiệt tình giảng dạy.
- Các cấp quản lý cần tổ chức các chuyên đề, hội thảo về những phương pháp dạy học heo hướng đổi mới hơn nữa và tạo điều kiện từng bước xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học theo hướng hiện đại hoá.
- Mua thêm tài liệu tham khảo phục vụ bài dạy cho giáo viên.
- Tổ chức các cuộc thi như giải toán Vioedu, cuộc thi học sinh Giỏi cho học sinh làm quen, cọ sát kiến thức nâng cao, giúp các em có hứng thú học tập.

*** Đối với giáo viên:**

Thường xuyên nghiên cứu, học hỏi, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, tiếp cận tốt các chuyên đề, văn bản, chỉ thị, áp dụng vào thực tiễn.

Đề xuất cơ quan cấp trên, cơ quan chuyên môn về giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Trên đây là một số ý kiến và kinh nghiệm nhỏ của tôi trong việc rèn kỹ năng giải toán “**Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó**” cho học sinh lớp 4. Năm học vừa qua, bản thân tôi cũng vận dụng những sáng kiến trong giảng dạy và thu được kết quả đáng kể. (1 học sinh giải Nhất, 1 học sinh giải Ba trong cuộc thi giải Toán, Tiếng Việt Vioedu, 1 học sinh dự thi Toán Quốc Tế đạt 81,25 điểm). Trong quá trình thực hiện, tôi không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong sự góp ý của các chuyên viên và bạn bè đồng nghiệp.

Lời cam đoan:

Tôi cam đoan, sáng kiến kinh nghiệm trên đây là do tôi tự viết không sao chép của ai. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Ba Vì, ngày 3 tháng 5 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

Người viết sáng kiến

Lê Thị Hạnh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Trung Hiệu- Đỗ Đình Hoan - Vũ Dương Thụy- Vũ Quốc Chung
“Phương pháp dạy học môn toán Tiểu học -Trường Đại học Sư phạm Hà Nội - 2005”
2. Hà Huy Khoái- Nguyễn Áng – Vũ Văn Dương – Nguyễn Minh Hải – Hoàng Quế Hường – Bùi Bá Mạnh.
“ SGK Toán 4- Kết nối tri thức với cuộc sống”– NXB Giáo dục Việt Nam-CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội.
3. Sách giáo viên Toán 4- KNTT với cuộc sống. NXB Giáo dục Việt Nam.
- 4.**Tài liệu Dạy lớp 4 - Theo chương trình Tiểu học mới – GDPT 2018.**Tài liệu bồi dưỡng giáo viên Tiểu học. <https://hanhtrangso.nxbgd.vn/>
5. **Tài liệu bồi dưỡng giáo viên dạy lớp 4..**
6. **Chương trình Tiểu học** (Ban hành kèm theo quyết định số 43/2001/QĐ - BGD & ĐT ngày 9/11/2001 của Bộ giáo dục và Đào tạo).

MỘT SỐ HÌNH ẢNH MINH CHỨNG CHO ĐỀ TÀI



Thứ sáu ngày 24 tháng 11 năm 2023

Hướng dẫn học

Bài 1: Lớp 4A có 38 em học sinh. Trong đó số học sinh nữ nhiều hơn học sinh nam 2 em. Tính số học sinh nữ; số học sinh nam của lớp.

Bài giải

Lớp 4A có số học sinh nam là:

$$(38 - 2) : 2 = 18 \text{ (học sinh)}$$

Lớp 4A có số học sinh nữ là:

$$18 + 2 = 20 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: Học sinh nam: 18 học sinh

Học sinh nữ: 20 học sinh

Bài 2: Tổng 2 số lẻ liên tiếp là 180. Tìm hai số đó

Bài giải

Hai số lẻ liên tiếp hơn (kém) nhau 2 đơn vị

Vậy, Số lẻ thứ nhất là: $(180 - 2) : 2 = 89$

Số lẻ thứ hai là: $89 + 2 = 91$

Đáp số: 2 số lẻ đó là 89 và 91.

Bố khen con làm bài tốt.

Luyện toán

Luyện tập giải toán

VD: An và Bình có tất cả 48 viên bi. Nếu An cho Bình 3 viên bi và Bình cho An 1 viên bi thì 2 số bi bằng nhau. Hỏi trước khi cho mỗi người có bao nhiêu viên bi?

Bài Giải

Khi An cho Bình 3 viên bi; Bình lại cho An 1 viên bi thì tổng số viên bi của hai bạn không đổi (48 viên).

Chức tể, Bình nhận của An số viên bi là:

$$3 - 1 = 2 \text{ (viên bi)}$$

Khi đó số viên bi của hai bạn bằng nhau, ta có sơ đồ:



Nhìn sơ đồ ta thấy lúc đầu An có nhiều hơn bình là:

$$2 + 2 = 4 \text{ (viên)}$$

Luyện toán

Luyện tập giải toán

VĐ: An và Bình có tất cả 48 viên bi. Nếu An cho Bình 3 viên bi và Bình cho An 1 viên bi thì 2 hai bạn có số viên bi bằng nhau. Hỏi trước khi cho mỗi người có bao nhiêu viên bi?

Bài giải

Cách 1: Khi An cho Bình 3 viên bi và Bình lại cho An 1 viên bi thì số bi của hai bạn không thay đổi nên là 48 viên

Khi đó số bi của hai bạn bằng nhau nên mỗi bạn có số bi là:

$$48 : 2 = 24 \text{ (viên)}$$

Lúc đầu An có số bi là:

$$24 + (3 - 1) = 26 \text{ (viên)}$$

Lúc đầu Bình có số bi là:

$$48 - 26 = 22 \text{ (viên)}$$

Đáp số: An : 26 viên

Bình: 22 viên

Con làm bài rất tốt.

Giấy trắng tự nhiên - Chống lóa mắt

★★★★★

Thứ sáu ngày 24 tháng 11 năm 2023 :

Toán

Giải 60: Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

$$\text{Số lớn} = (\text{tổng} + \text{hiệu}) : 2$$

$$\text{Số bé} = (\text{tổng} - \text{hiệu}) : 2$$

Bài 1

Có tất: 80 quả trứng gà và trứng vịt.

Trứng gà nhiều hơn trứng vịt 10 quả.

? quả trứng gà ? quả trứng vịt.

Bài giải

Mẹ bán số quả trứng gà là :

$$(80 + 10) : 2 = 45 \text{ (quả)}$$

Mẹ bán số quả trứng vịt là :

$$45 - 10 = 35 \text{ (quả)}$$

Đáp số: Trứng gà : 45 quả

Trứng vịt : 35 quả

Con hiểu bài; cô khen con

Thứ hai ngày 27 tháng 11 năm 2023

3 Tìm biểu thức phù hợp với một số đồ Tìm giá trị của mỗi biểu thức với $a = 15$ và $b = 7$

$$a, a + b + 5$$

$$b, a + (b + 5)$$

Với $a = 15, b = 7$ ta có

$$= 15 + (7 + 5)$$

$$a + b + 5 = 15 + 7 + 5 = 27$$

$$= 15 + 12 = 27$$

Chức sáu ngày 24 tháng 11 năm 2023

Coán

Giết 60: Tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó.

Bài 1: Mai và Mi có 25 cái kẹo, Mai có nhiều hơn Mi 5 cái kẹo. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu cái kẹo?

Bài giải

Hai lần số kẹo lạ của Mai là:

$$25 + 5 = 30 \text{ (cái kẹo)}$$

Số kẹo của Mai là:

$$30 : 2 = 15 \text{ (cái kẹo)}$$

Số kẹo của Mi là:

$$25 - 15 = 10 \text{ (cái kẹo)}$$

Đáp số: 10 cái kẹo của Mi

15 cái kẹo của Mai

Con làm bài tốt, cô khen con.

Giải

Luyện tập

1, Chu vi hình chữ nhật là 256 cm. Biết rằng chiều rộng kém chiều dài là 18 cm. Tính chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật đó ?

Bài giải

Chiều dài hình chữ nhật là:

$$(256 + 18) : 2 = 137 \text{ (cm)} \quad /s$$

Chiều rộng hình chữ nhật là:

$$256 - 137 = 119 \text{ (cm)} \quad /s$$

Đáp số: chiều dài: 137 cm

chiều rộng: 119 cm $/s$

Con chú ý đọc kĩ đề bài rồi làm lại nhé!

Bài chữa

Nửa chu vi hình chữ nhật là: $256 / 2 = 128 \text{ (cm)}$

Chiều dài hình chữ nhật là: $(128 + 18) : 2 = 73 \text{ (cm)}$

Chiều rộng hình chữ nhật là: $128 - 73 = 55 \text{ (cm)}$

Đáp số: chiều dài: 73 cm, chiều rộng 55

cm

Con hiểu bài.

Thứ năm ngày 29 tháng 11 năm 2023

Hướng dẫn học

Bài tập 1: Bố và Nam năm này 38 tuổi. Nam ít hơn bố 26 tuổi. Tính tuổi bố? tuổi Nam hiện nay?

Bài giải

$$\text{Tuổi bố là: } (38 + 26) : 2 = 32 \text{ (tuổi)}$$

$$\text{Tuổi Nam là: } 32 - 26 = 6 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: Nam: 6 tuổi, bố 32 tuổi.

Bài tập 2: Hai số chẵn có tổng là 30. Tìm hai số biết rằng giữa chúng có 3 số lẻ.

Bài giải

Hai số chẵn liên tiếp thì giữa chúng có 1 số lẻ. Giữa chúng có 3 số lẻ thì hai số đó hơn kém nhau: $2 \times 3 = 6$ (hiệu số là 6)

$$\text{Số lớn là: } (30 + 6) : 2 = 18$$

$$\text{Số bé là: } 18 - 6 = 12$$

Đáp số: số lớn là 18, số bé 12

Con làm bài tốt; con cần phát huy

Thứ sáu ngày 30 tháng 11 năm 2023

Thứ hai ngày 27 tháng 11 năm 2023

Hướng dẫn học

Bài 1: Hai số lẻ liên tiếp có tổng là 56. Tìm 2 số đó

Bài giải

Hai số lẻ liên tiếp hơn (kém) nhau 2 đơn vị

Vậy hiệu giữa hai số lẻ phải tìm là 2

$$\text{Số lớn là: } (56 + 2) : 2 = 29$$

$$\text{Số bé là: } 56 - 29 = 27$$

Đáp số: số lớn 29, số bé 27

Bài 2: Trung bình cộng 2 số là 18, hiệu của chúng là 6. Tìm 2 số đó

Bài giải

$$\text{Tổng 2 số đó là: } 18 \times 2 = 36$$

$$\text{Số lớn là: } (36 + 6) : 2 = 21$$

$$\text{Số bé là: } 21 - 6 = 15$$

Đáp số: số lớn 21, số bé là 15

$$\text{Check lại: } 21 + 15 = 36; 21 - 15 = 6$$

Cô khen con làm bài tốt.

Thứ ba ngày 28 tháng 11 năm 2023

$$276 : 2 = 138$$

Số hạng thứ nhất là :

$$(138 - 2) : 2 = 68$$

Số hạng thứ hai là :

$$68 + 2 = 70$$

Đáp số: 2 số hạng phải tìm là 68 và 70.

Bài tập về nhà

1. Tìm 2 số biết tổng của chúng là 83, hiệu là 15.
2. Tổng 2 số là số lớn nhất có 2 chữ số, hiệu là số lẻ nhỏ nhất có 2 chữ số?

Bài giải

1. Số bé là :

$$(83 - 15) : 2 = 34$$

Số lớn là :

$$34 + 15 = 49$$

Đáp số: Số bé : 34 ; Số lớn : 49

2. Số lớn nhất có hai chữ số là 99 (là tổng hai số)
Số lẻ nhỏ nhất có hai chữ số là 11 (là hiệu hai số)

Lố bi của An là:

$$(48+4) \div 2 = 26 \text{ (viên)}$$

Lố bi của Bình là:

$$26 - 4 = 22 \text{ (viên)}$$

Đáp số: An: 26 viên.

Bình: 22 viên.

Lập luận chặt chẽ, hiểu bài, cô khen con.
